

Số: // ĐA - UBND

Trùng Khánh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

**ĐỀ ÁN CHĂM SÓC CÂY DẼ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
TRÙNG KHÁNH NĂM 2019 - 2020**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY DẼ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Trùng Khánh là một huyện miền núi, nằm ở biên giới phía Đông Bắc tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 63 km tính lộ 206. Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Trùng Tây và Đại Tân (thuộc tỉnh Quảng Tây-Trung Quốc). Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Hạ Lang, Phía Nam giáp huyện Quảng Uyên, Phía Tây giáp huyện Trà Lĩnh.

Huyện Trùng Khánh nằm ở độ cao trung bình từ 500 - 800m thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, có 3 dạng địa hình đó là địa hình núi đá vôi, địa hình dạng đồi và địa hình thung lũng. Trùng Khánh có khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm 20,9°C, tháng thấp nhất nhiệt độ trung bình dưới 15°C (tháng 12, tháng 1 và tháng 2), tháng cao nhất 37,1°C (tháng 5). Mùa lạnh kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa nắng từ tháng 5 đến tháng 9, biên độ nhiệt chênh lệch giữa ngày và đêm rất lớn. Lượng mưa trung bình 1665,5 mm, lượng mưa lớn chiếm 82,5% lượng mưa tập trung từ tháng 4 đến tháng 9 (lớn nhất là các tháng 6,7,8), mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau chỉ có chiếm 17,5% lượng mưa. Có 2 hệ thống sông lớn gồm có sông Quây Sơn và sông Bắc Vọng đây là nguồn nước tưới chính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Tổng diện tích tự nhiên của Trùng Khánh là 46.837,75 ha. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 9.387,77 ha (chiếm 20,04%), đất lâm nghiệp là 33.320,07 ha (chiếm 72,14%), đất phi nông nghiệp là 3.254,77 ha (chiếm 6,95%) và đất chưa sử dụng 822,94 (chiếm 1,76%). Đất chủ yếu là đất núi đá trên bazơ và trung tính phân bố các xã Đình Minh, Đàm Thủy... Đất đá trên đá vôi phân bố các xã Chí Viễn, Khâm Thành... Đất đá vàng trên đá phiến sét phân bố xã Phong Châu. Đây là loại đất thích hợp cho phát triển cây dẻ đặc sản của huyện nhà.

Từ thời xưa cây Dẻ đã được người dân trồng rải rác trên địa bàn huyện Trùng Khánh, cao nhất vào những năm 1960 và 1970 diện tích có trên 1.600 ha được Lâm trường và HTX quản lý. Đến năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra, diện tích rừng bị tàn phá, năm 1986 HTX tan rã, lâm trường giải thể nên rừng Dẻ đã bị chặt phá, diện tích còn lại rất ít. Từ năm 1993 trở lại đây cây Dẻ đã được các cấp, các ngành quan tâm từng bước phát triển trở lại. Hiện nay diện tích dẻ trên địa bàn huyện vào khoảng gần 200ha với số lượng khoảng gần 20.000 cây, trồng tập trung tại các xã: Chí Viễn, Phong Châu, Đình Minh, Khâm Thành, Đình Phong, Ngọc Khê, Đàm Thủy, Thị trấn ngoài ra các xã còn lại diện tích trồng không đáng kể. Năng suất dẻ trung bình đạt 10 tạ/ha. Cây dẻ là cây trồng đặc sản, có giá trị kinh tế cao, góp phần xoá đói giảm nghèo tại địa phương.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Cây dẻ là cây đặc sản có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, diện tích dẻ trên địa bàn huyện còn hạn chế, người dân canh tác theo phương thức quảng canh, chưa chú trọng đến khâu chăm sóc vườn dẻ trong giai đoạn kiến thiết và sau thu hoạch nên năng suất dẻ qua các năm giảm dần, một số diện tích không cho thu hoạch. Nguyên nhân là do đời sống người dân còn nhiều khó khăn, không có đủ điều kiện để đầu tư phân bón, thuốc BVTV chăm sóc vườn dẻ.

Đề án chăm sóc vườn dẻ được triển khai sẽ là cơ hội để người trồng dẻ được hỗ trợ những vật tư cần thiết để chăm sóc cây dẻ, bước đầu thay đổi nhận thức của người dân trong việc chăm sóc cây dẻ trong giai đoạn kiến thiết và sau thu hoạch. Từ đó năng suất, chất lượng hạt dẻ sẽ được nâng cao, góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Vì vậy việc xây dựng "**Đề án chăm sóc cây dẻ trên địa bàn huyện Trùng Khánh năm 2019 - 2020**" là hết sức cần thiết.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chương trình 07 - CTr/HU ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Huyện ủy Trùng Khánh về Phục hồi và phát triển cây đặc sản có nguồn gốc bản địa.

2. Nghị quyết 25/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về Phát triển cây trồng đặc sản có nguồn gốc bản địa trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 – 2020.

3. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh.

4. Kế hoạch số 37/KH – UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về Thực hiện phát triển cây trồng đặc sản có nguồn gốc bản địa trên địa bàn huyện Trùng Khánh giai đoạn 2017 - 2021.

5. Kế hoạch số 90/KH - HU ngày 06/12/2017 của Huyện ủy Trùng Khánh về "Thực hiện chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020".

Số: //ĐA - UBND

Trùng Khánh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

**ĐỀ ÁN CHĂM SÓC CÂY DẼ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
TRÙNG KHÁNH NĂM 2019 - 2020**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY DẼ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Trùng Khánh là một huyện miền núi, nằm ở biên giới phía Đông Bắc tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 63 km tính lộ 206. Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Trinh Tây và Đại Tân (thuộc tỉnh Quảng Tây-Trung Quốc). Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Hạ Lang, Phía Nam giáp huyện Quảng Uyên, Phía Tây giáp huyện Trà Lĩnh.

Huyện Trùng Khánh nằm ở độ cao trung bình từ 500 - 800m thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, có 3 dạng địa hình đó là địa hình núi đá vôi, địa hình dạng đồi và địa hình thung lũng. Trùng Khánh có khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm 20,9°C, tháng thấp nhất nhiệt độ trung bình dưới 15°C (tháng 12, tháng 1 và tháng 2), tháng cao nhất 37,1°C (tháng 5). Mùa lạnh kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa nắng từ tháng 5 đến tháng 9, biên độ nhiệt chênh lệch giữa ngày và đêm rất lớn. Lượng mưa trung bình 1665,5 mm, lượng mưa lớn chiếm 82,5% lượng mưa tập trung từ tháng 4 đến tháng 9 (lớn nhất là các tháng 6,7,8), mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau chỉ có chiếm 17,5% lượng mưa. Có 2 hệ thống sông lớn gồm có sông Quây Sơn và sông Bắc Vọng đây là nguồn nước tưới chính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Tổng diện tích tự nhiên của Trùng Khánh là 46.837,75 ha. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 9.387,77 ha (chiếm 20,04%), đất lâm nghiệp là 33.320,07 ha (chiếm 72,14%), đất phi nông nghiệp là 3.254,77 ha (chiếm 6,95%) và đất chưa sử dụng 822,94 (chiếm 1,76%). Đất chủ yếu là đất núi đá trên bazơ và trung tính phân bố các xã Đình Minh, Đàm Thủy... Đất đá trên đá vôi phân bố các xã Chí Viễn, Khâm Thành... Đất đá vàng trên đá phiến sét phân bố xã Phong Châu. Đây là loại đất thích hợp cho phát triển cây dẻ đặc sản của huyện nhà.

Từ thời xưa cây Dẻ đã được người dân trồng rải rác trên địa bàn huyện Trùng Khánh, cao nhất vào những năm 1960 và 1970 diện tích có trên 1.600 ha được Lâm trường và HTX quản lý. Đến năm 1979 chiến tranh biên giới xảy ra, diện tích rừng bị tàn phá, năm 1986 HTX tan rã, lâm trường giải thể nên rừng Dẻ đã bị chặt phá, diện tích còn lại rất ít. Từ năm 1993 trở lại đây cây Dẻ đã được các cấp, các ngành quan tâm từng bước phát triển trở lại. Hiện nay diện tích dẻ trên địa bàn huyện vào khoảng gần 200ha với số lượng khoảng gần 20.000 cây, trồng tập trung tại các xã: Chí Viễn, Phong Châu, Đình Minh, Khâm Thành, Đình Phong, Ngọc Khê, Đàm Thủy, Thị trấn ngoài ra các xã còn lại diện tích trồng không đáng kể. Năng suất dẻ trung bình đạt 10 tạ/ha. Cây dẻ là cây trồng đặc sản, có giá trị kinh tế cao, góp phần xoá đói giảm nghèo tại địa phương.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Cây dẻ là cây đặc sản có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, diện tích dẻ trên địa bàn huyện còn hạn chế, người dân canh tác theo phương thức quảng canh, chưa chú trọng đến khâu chăm sóc vườn dẻ trong giai đoạn kiến thiết và sau thu hoạch nên năng suất dẻ qua các năm giảm dần, một số diện tích không cho thu hoạch. Nguyên nhân là do đời sống người dân còn nhiều khó khăn, không có đủ điều kiện để đầu tư phân bón, thuốc BVTV chăm sóc vườn dẻ.

Đề án chăm sóc vườn dẻ được triển khai sẽ là cơ hội để người trồng dẻ được hỗ trợ những vật tư cần thiết để chăm sóc cây dẻ, bước đầu thay đổi nhận thức của người dân trong việc chăm sóc cây dẻ trong giai đoạn kiến thiết và sau thu hoạch. Từ đó năng suất, chất lượng hạt dẻ sẽ được nâng cao, góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Vì vậy việc xây dựng “*Đề án chăm sóc cây dẻ trên địa bàn huyện Trùng Khánh năm 2019 - 2020*” là hết sức cần thiết.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chương trình 07 - CTr/HU ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Huyện ủy Trùng Khánh về Phục hồi và phát triển cây đặc sản có nguồn gốc bản địa.

2. Nghị quyết 25/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về Phát triển cây trồng đặc sản có nguồn gốc bản địa trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 – 2020.

3. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh.

4. Kế hoạch số 37/KH – UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về Thực hiện phát triển cây trồng đặc sản có nguồn gốc bản địa trên địa bàn huyện Trùng Khánh giai đoạn 2017 - 2021.

5. Kế hoạch số 90/KH - HU ngày 06/12/2017 của Huyện ủy Trùng Khánh về "Thực hiện chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020".

Phần thứ hai

KỸ THUẬT CHĂM SÓC CÂY DẼ

I. CHĂM SÓC CÂY DẼ

1. Theo cuốn tài liệu Sản xuất hạt dẻ của Dự án Phát triển nông thôn Cao Bằng - Bắc Kạn, chăm sóc cây dẻ thực hiện theo quy trình sau :

- Bón phân: Trong 3 năm đầu tiên hành bón phân 2 lần/năm vào tháng 5 - 6 và tháng 10 - 11 bón phân chủ yếu bằng phân lân và đạm rắc xung quanh gốc theo vòng tán cây thẳng đứng, lấp đất phủ kín phân đã bón. Lượng phân 0,5 kg Lân+ 0,5 Kg Đạm/ lần/cây.

Năm thứ 4 trở đi khi Dẻ bắt đầu cho quả: Căn cứ vào đặc tính sinh trưởng và ra hoa kết quả của cây Dẻ cần bón phân vào 4 thời kỳ chính chủ yếu:

+ Tháng 4: Là thời kỳ ngọn mới nhanh chóng sinh trưởng và hoa cái phân hoá liên tục, thời kỳ này bón đạm nhằm làm cho mầm hoa cái phân hoá tăng thêm số lượng cái, cành phát triển tốt. Lượng bón Đạm urê: 0,5 -1 kg hoặc phân bắc nước giải 5 -10 kg/cây.

+ Tháng 6, sau khi hoa đực nở lúc này các hạt non bắt đầu phát dục, mầm hoa bắt đầu phân hoá bón NPK lượng bón 1 kg/cây.

+ Tháng 7, 8 hạt dẻ nhanh chóng phát dục, tích lũy chất khô trong thịt hạt dẻ lúc này bón NPK giúp hạt to, thịt chắc, đầy, phẩm chất tốt. Lượng phân bón Đạm urê: 0,5 -1kg, Lân 1-1,5 kg, Kali 0,5-1kg/cây.

+ Sau khi thu hoạch kết hợp cày sâu đất, bón các loại phân hữu cơ như: phân chuồng, phân xanh ủ, mỗi cây 20 - 50kg hoặc bón phân NPK số lượng như sau: Đạm urê: 0,5 -1kg, Lân 1-1,5 kg, Kali 0,5-1kg/cây để khôi phục sức khoẻ, thúc đẩy nụ hoa phân hoá, tăng sản lượng năm sau.

2. Theo kinh nghiệm thực tế của người trồng dẻ tại địa phương, việc chăm sóc cây dẻ được thực hiện như sau :

- Kết thúc vụ thu hoạch dẻ, người dân tiến hành vệ sinh vườn dẻ (phát dọn cỏ, chặt cây tầm gửi leo trên cây, đốn những cành già, cành bị sâu bệnh), sau đó đào rãnh bón phân. Người dân thường sử dụng phân NPK tổng hợp để bón 1 lần/năm, lượng bón từ 6 - 10 kg/cây. Việc bón phân tiến hành vào giai đoạn cây rụng lá (giai đoạn ngủ nghỉ của cây), khoảng tháng 12 năm trước đến tháng 2 năm sau.

- Kết hợp theo quy trình kỹ thuật chăm sóc dẻ của Dự án Phát triển nông thôn Cao Bằng - Bắc Kạn và kinh nghiệm của người dân, cơ quan chuyên môn quy đổi lượng phân bón chăm sóc cây dẻ trong đề án như sau: Đối với cây dẻ đã cho thu hoạch bón NPK định mức 9,6 kg/cây bón 1 lần/ năm vào tháng 12 năm trước đến tháng 2 năm sau; đối với cây trong giai đoạn kiến thiết chưa cho thu

hoạch định mức 3 - 5 kg/cây, bón hai lần/năm, vào tháng 5 - 6 và tháng 10 - 12. Kết hợp bón phân chuồng với phân vô cơ.

3. Phương thức bón phân:

- Đối với đất bằng phẳng: Dùng máy phay động cơ để phay tạo thành rãnh giữa tán của 2 hàng cây, phay rãnh ngang và rãnh dọc tạo thành hình vuông bao quanh tán cây, sau đó tiến hành bón phân vào rãnh, dùng máy phay phay đất lấp lên phân.

- Đối với đất dốc: Đào rãnh độ sâu 30 - 40cm theo hình chiếu tán cây đào 4 rãnh hình bán nguyệt theo chu vi tán cây. Sau khi rắc phân xong lấp đất đầy rãnh, nếu trời khô hạn phải hoà phân với nước cho tan sau đó tưới dưới tán cây từ ngoài vào trong cách gốc 50 - 60 cm.

4. Phòng trừ sâu bệnh: Dẻ ăn quả sau khi trồng dễ bị sâu đục thân, sâu ăn ngọn lá non nên gia đình phải thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện sâu hại.

- Nếu thấy xuất hiện lẻ tẻ cá thể tìm diệt bắt giết thủ công, hoặc phun phòng lên cây bằng các loại thuốc bảo vệ thực vật mới đặc trị sâu ăn hại lá non (theo hướng dẫn của cơ quan BVTV).

- Nếu sâu ăn lá non xuất hiện ở diện rộng rừng trồng tập trung cần phun liên tục để tiêu diệt hết sâu hại dưới sự hỗ trợ của cơ quan BVTV.

II. THU HÁI VÀ BẢO QUẢN CHẾ BIẾN KINH DOANH HẠT DẼ

1. Thu hái hạt Dẻ

- Giống dẻ chín sớm thường chín vào khoảng cuối tháng 8, muộn nhất phải đến cuối tháng 10 hoặc đầu tháng 11, nhưng phần lớn chín vào tháng 9, 10.

- Việc thu hái hạt Dẻ hiện tại phổ biến bằng thủ công, có 2 cách thu hoạch hạt Dẻ: Nhật hạt và đập quả.

2. Bảo quản hạt Dẻ. Hạt dẻ được bảo quản bằng phương pháp: Bảo quản lạnh.

3. Chế biến kinh doanh hạt Dẻ

Hạt Dẻ Trùng Khánh có thể chế biến được: Mật ong hạt Dẻ, rượu hạt dẻ, chiết xuất tinh dầu dẻ...

Phần thứ ba

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao năng suất, sản lượng hạt dẻ trên toàn huyện, góp phần tăng thu nhập cho người dân. Mở rộng diện tích trồng dẻ trên địa bàn huyện.

- Cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh tế từ trồng dẻ đặc sản gắn liền với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Trong hai năm 2019, 2020 hỗ trợ kỹ thuật và vật tư chăm sóc được 50,5 ha diện tích dẻ đã cho thu hoạch và 8,5 ha dẻ đang trong giai đoạn kiến thiết.

- Tăng năng suất dẻ tại những vườn được đầu tư chăm sóc từ 10 tạ/ha lên 15 tạ/ha.

3. Đối tượng thụ hưởng từ đề án

Gồm 119 hộ gia đình trồng dẻ trên địa bàn các xã: Đình Minh, Đàm Thủy, Chí Viễn, Phong Châu, Thị trấn.

4. Kế hoạch thực hiện: Đề án được thực hiện theo các nội dung như sau:

Năm	Nội dung thực hiện	Số lượng	Dự kiến thời gian thực hiện
2019	Tập huấn kỹ thuật cho các hộ dân	3 lớp	Tháng 02
	Cấp phát vật tư, tổ chức bón phân cho cây dẻ	59 ha	Tháng 02, tháng 3
2020	Cấp phát vật tư, tổ chức bón phân cho cây dẻ	59 ha	Tháng 1, tháng 2

Dự kiến phân bổ diện tích trên địa bàn các xã như sau:

TT	Các xã thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Diện tích chăm sóc (ha)		Số lượng cây (cây)
			Diện tích đã cho thu hoạch	Diện tích trong giai đoạn kiến thiết	
1	Đình Minh	11,31	11,01	0,3	1.131
2	Phong Châu	8,91	8,61	0,3	891
3	Đàm Thủy	1,9	1,9		190
4	Chí Viễn	32,18	24,28	7,9	3.218
5	Thị trấn	4,7	4,7		470
Tổng cộng		59	50,5	8,5	5.900

II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về kỹ thuật

- Về vật tư: Hỗ trợ phân bón vô cơ, thuốc BVTV theo quy trình kỹ thuật cho các hộ trồng dẻ.

- Về kỹ thuật: Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc vườn dẻ cho các hộ trồng dẻ. Phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn, giám sát các hộ dân bón phân theo từng giai đoạn đảm bảo đúng theo quy trình kỹ thuật.

2. Giải pháp về vốn

2.1. Tổng nguồn vốn

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Đề án trong 2 năm 2019 - 2020 (dự ước) là 1.732.006.000 đồng. Trong đó:

+ Chi phí vật tư phân bón: 1.684.096.000 đồng.

+ Chi phí đào tạo, tập huấn: 2.090.000 đồng.

+ Chi phí chuẩn bị vật tư: 15.820.000 đồng.

+ Chi phí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, giám sát thực hiện: 30.000.000 đồng.

- Nguồn vốn:

+ Nguồn xã hội hóa: 906.006.000 đồng

+ Nguồn dân đối ứng: 826.000.000 đồng (gồm phân bón hữu cơ và công lao động).

2.2. Phân kỳ vốn

- Năm 2019: Tổng vốn thực hiện là 867.048.000 đồng, trong đó nguồn xã hội hóa là 454.048.000 đồng, nguồn đối ứng của dân 413.000.000 đồng.

- Năm 2020: Tổng vốn thực hiện là 864.958.000 đồng, trong đó nguồn xã hội hóa là 451.958.000 đồng, nguồn đối ứng của dân 413.000.000 đồng.

- Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ phân bón theo quy trình chăm sóc dẻ cho các hộ dân có diện tích dẻ trồng tập trung trên 2.000m² (tương đương từ 20 cây trở lên). Hỗ trợ vật tư theo từng năm thực hiện đề án.

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế - xã hội

Với các vườn dẻ hiện tại bà con chỉ khai thác mà không chăm sóc thì năng suất dẻ trung bình trên địa bàn huyện đạt 10 tạ/ha, sau khi thực hiện đề án chăm sóc dẻ đến năm 2020, năng suất ước đạt 15 tạ/ha. Với giá bán trung bình 100.000đồng/kg thì hiệu quả kinh tế từ việc đầu tư chăm sóc dẻ như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Đầu tư chăm sóc theo quy trình kỹ thuật			Không đầu tư chăm sóc		
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Số lượng cây Dẻ/ha	Cây	100					
I	Chi phí đầu tư cho 1ha dẻ				14.272.000			
1	Phân chuồng	Tấn	5.000	1.000	5.000.000			
2	NPK 5.10.3	kg	480	4.900	2.352.000			
3	NPK 12.5.10	kg	480	6.750	3.240.000			
5	Thuốc trừ sâu đục thân	lít	4	140.000	560.000			
6	Trừ bệnh, trừ nấm,...	lít	4	140.000	560.000			
7	Kích thích đậu quả	lít	4	140.000	560.000			
8	Công chăm sóc	Công	10	200.000	2.000.000			
II	Tổng thu							
	Năng suất	Tạ/ha	15	100.000	150.000.000	10	100.000	100.000.000
III	Lãi (Thu - Chi)				135.728.000			100.000.000
IV	Lãi so với vườn không chăm sóc				35.728.000			

Như vậy, với tổng chi phí chăm sóc cho 1 ha dẻ là 14.272.000 đồng, bà con thu lãi thêm 35.728.000 đồng/ha. Điều này cho thấy việc đầu tư chăm sóc cây dẻ hàng năm giúp tăng năng suất dẻ và năng suất được duy trì ổn định, từ đó tạo công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho người trồng dẻ.

2. Hiệu quả về môi trường

Các vườn dẻ được chăm sóc sẽ phát triển xanh tốt, tạo cảnh quan đẹp, đặc biệt đối với những vườn dẻ trên trục đường xuống Thác bản Giốc có thể thiết kế những nhà vườn cho du khách tham quan và thưởng thức đặc sản Trùng Khánh tại nhà vườn.

3. Tính bền vững của đề án sau khi kết thúc

Khi đề án kết thúc sẽ chăm sóc được 59ha cây dẻ, nâng cao được năng suất dẻ trên địa bàn huyện, đồng thời giúp bà con trồng dẻ nhận thức được tầm quan

trọng của việc chăm sóc dẻ theo đúng quy trình kỹ thuật. Từ đó sẽ có tác dụng khuyến khích được bà con tự chăm sóc vườn dẻ của gia đình trong những năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Kiểm tra, đôn đốc đơn vị chủ trì đề án và UBND các xã thực hiện các nội dung đề án theo đúng kế hoạch.

2. Trạm Khuyến nông - khuyến lâm

- Lập dự toán, chủ trì thực hiện đề án, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện đề án.

- Phối hợp với UBND các xã rà soát, thống kê toàn bộ diện tích dẻ trên địa bàn huyện, phân công cán bộ kỹ thuật phối hợp với UBND các xã tổ chức tập huấn chuyên giao kỹ thuật, hướng dẫn, giám sát người dân chăm sóc theo từng giai đoạn đảm bảo theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và hỗ trợ về kỹ thuật cho người dân trong quá trình triển khai đề án cũng như sau khi kết thúc đề án.

- Phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND các xã thực hiện đề án tổ chức đánh giá hiệu quả của đề án sau khi kết thúc đề án.

3. Các cơ quan chuyên môn của huyện

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm và UBND các xã triển khai thực hiện đề án có hiệu quả.

4. Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể huyện.

Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện chỉ đạo hệ thống Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã tích cực triển khai tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các nội dung của đề án chăm sóc cây dẻ.

5. UBND các xã Đình Minh, Phong Châu, Chí Viễn, Đàm Thủy, Thị Trấn.

- Rà soát, thống kê các hộ trồng dẻ trên địa bàn, lập danh sách các hộ có đủ diện tích theo quy định thực hiện Đề án, phối hợp với Trạm Khuyến nông để triển khai thực hiện đề án đảm bảo thời gian và có hiệu quả.

- Khôi phục lại nhóm sở thích trồng dẻ để trồng và chăm sóc cây dẻ, hướng tới thực hiện truy xuất nguồn gốc dẻ, bảo vệ người trồng dẻ.

6. Trách nhiệm của người dân tham gia thực hiện đề án.

- Trước khi tiến hành đào rãnh bón phân cho cây dẻ cần phát, dọn sạch cỏ dại trong vườn dẻ, chặt bỏ cây tầm gửi leo trên cây dẻ, chặt bỏ những cành già cỗi, cành bị sâu bệnh, chặt đốn những cây già cỗi không cho thu hoạch và trồng

bổ sung, thay thế. Đối với cây dẻ đang trong giai đoạn kiến thiết cần cắt tỉa, tạo hình cho cây.

- Trực tiếp thực hiện các công đoạn chăm sóc cây dẻ, cam kết thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn để đảm bảo năng suất cây dẻ được nâng cao.

KẾT LUẬN

Đề án chăm sóc vườn dẻ năm 2019 - 2020 có ý nghĩa thiết thực, giúp người dân trồng dẻ thay đổi được nhận thức về việc chăm sóc vườn dẻ trong giai đoạn kiến thiết cũng như sau thu hoạch, đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao năng suất cây dẻ, nâng cao chất lượng hạt dẻ Trùng Khánh, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Thông qua thực hiện đề án, nâng cao được trình độ kỹ thuật về chăm sóc cây dẻ cho đội ngũ cán bộ khuyến nông Trạm, khuyến nông viên xã, xóm và người dân trồng dẻ tại địa phương.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- TT.Huyện ủy (B/c);
- TT.HĐND huyện (B/c);
- TT.UBND huyện (B/c);
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện (P/h);
- Các cơ quan chuyên môn huyện (T/h);
- UBND các xã Đề án (T/h);
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Là Văn Mông
PH